**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

**(*Ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)***

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE**

***(Quý 2/2025)***

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ**

Tên quỹ: **Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb**

Loại hình quỹ: **Quỹ mở**

1. **Mục tiêu của Quỹ:**

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà Đầu tư thông qua việc đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định an toàn và một phần vào các cổ phiếu cơ bản có hoạt động kinh doanh tốt và được tự do chuyển nhượng với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại cho các Nhà Đầu tư kết quả tốt nhất từ việc quản lý danh mục đầu tư, phù hợp với các quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư và Pháp luật.

1. **Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

|  |  |
| --- | --- |
| NAV ngày 30/06/2024 (VNĐ) | NAV ngày 30/06/2025 (VNĐ) |
| 127.762.004.306 | 134.484.037.681 |

Tính đến kỳ báo cáo, giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tăng 5,26% so với giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ cùng kỳ năm trước.

1. **Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục tập trung chủ yếu vào trái phiếu và tài sản có thu nhập cố định. Trong đó, trái phiếu sẽ bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng có uy tín hoặc có cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (1) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành, trong đó ưu tiên trái phiếu của các tổ chức phát hành là các công ty, tập đoàn lớn. Các tài sản thu nhập cố định khác bao gồm tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng uy tín.

Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục đích bảo toàn vốn và mang lại lợi nhuận tối ưu cho Nhà Đầu tư. Ngoài ra, Quỹ có thể cân nhắc đầu tư vào một danh mục đa dạng với các cổ phiếu niêm yết theo quy định của Pháp luật có giá trị vốn hóa lớn cũng như thanh khoản cao trên Sở giao dịch chứng khoán.

1. **Phân loại Quỹ:**

Quỹ được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 58/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2018 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 35/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 04 năm 2019.

1. **Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:**

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

1. **Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):**

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn thấp.

1. **Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 03/04/2019.

1. **Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

|  |  |
| --- | --- |
| Vốn của quỹ theo mệnh giá (đồng) | 99.891.769.900 |
| Số lượng CCQ đang lưu hành (CCQ) | 9.989.176,99 |

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, số lượng Chứng chỉ quỹ (“CCQ”) đang lưu hành của Quỹ là 9.989.176,99 CCQ, tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 99.891.769.900 VNĐ.

1. **Chỉ số tham chiếu của Quỹ:**

Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX.

1. **Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:**

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

1. **Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ**:

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị CCQ là 0 VNĐ.

**II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**

1. **Cơ cấu tài sản quỹ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **30/06/2025**  **(%)** | **30/06/2024**  **(%)** | **30/06/2023**  **(%)** |
| 1. Trái phiếu chưa niêm yết | 0 | 4,15 | 0 |
| 1. Trái phiếu niêm yết | 20,69 | 0 | 0 |
| 1. Tiền gửi ngân hàng | 1,16 | 0,76 | 1,16 |
| 1. Các khoản tương đương tiền | 0 | 0 | 0 |
| 1. Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng | 45,64 | 72,33 | 83,71 |
| 1. Chứng chỉ tiền gửi | 30.05 | 16,01 | 10,77 |
| 1. Khác | 2,46 | 6,74 | 4,36 |
| **Cộng** | **100,00** | **100,00** | **100,00** |

1. **Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **30/06/2025** | **30/06/2024** | **30/06/2023** |
| 2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ) | 134.484.037.681 | 127.762.004.306 | 120.403.919.940 |
| 2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ) | 9.989.176,99 | 9.989.098,43 | 9.994.419,08 |
| 2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VNĐ) | 13.462,97 | 12.790,14 | 12.047,11 |
| 2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | 13.462,97 | 12.790,14 | 12.047,11 |
| 2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | 13.303,02 | 12.622,49 | 11.877,27 |
| 2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VNĐ) | N/A (\*) | N/A (\*) | N/A (\*) |
| 2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | N/A (\*) | N/A (\*) | N/A (\*) |
| 2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | N/A (\*) | N/A (\*) | N/A (\*) |
| 2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ so với cùng kỳ năm trước. | 5,22 | 6,17 | 5,40 |
| 2.9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| 2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) so với cùng kỳ năm trước. | 5,22 | 6,17 | 5,40 |
| 2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) |
| 2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) |
| 2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) |
| 2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 1,87 | 1,90 | 1,97 |
| 2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%) | 36,65 | 17,83 | 0 |

1. **Tăng trưởng qua các thời kỳ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ** | **Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm** |
| - 1 năm | 5,26 | 5,26 |
| - 3 năm | 17,79 | 5,60 |
| - Từ khi thành lập | 34,63 | 4,88 |
| - Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu | 26,78% (\*\*\*) | 1,89% |

1. **Tăng trưởng hàng năm:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời kỳ** | **30/06/2025**  **(%)** | **30/06/2024**  **(%)** | **30/06/2023**  **(%)** | **30/06/2022**  **(%)** |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ | 5,22 | 6,17 | 5,40 | 3,69 |

***Ghi chú:***

*N/A (\*): Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.*

*N/A (\*\*): Quỹ chưa phân phối lợi nhuận.*

*(\*\*\*): Quỹ áp dụng chỉ số tham chiếu là Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo.*

**III.** **MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ**

1. **Kinh tế Vĩ mô:**

**Tổng sản phẩm trong nước (GDP)**

GDP sáu tháng đầu năm 2025 tăng 7,52% so với cùng kỳ năm trước, là mức cao nhất của sáu tháng đầu năm trong giai đoạn 2011-2025. Tăng trưởng trong quý tăng tốc trên cả ba khu vực kinh tế. Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,89% so với cùng kỳ năm trước, nhích nhẹ so với mức 3,80% trong Quý 1/2025. Công nghiệp và xây dựng tăng 8,97% so với cùng kỳ (so với 7,61% trong Quý 1/2025), trong khi dịch vụ tăng 8,46%, cao hơn mức 7,80% của quý trước. Xét chi tiết, các lĩnh vực tăng trưởng cao hơn mức bình quân toàn nền kinh tế bao gồm: chế biến chế tạo (tăng 10,75%), xây dựng (tăng 9,83%), vận tải và kho bãi (tăng 9,37%), lưu trú và ăn uống (tăng 10,70%), giáo dục (tăng 11,47%) và văn hóa, giải trí (tăng 11,09%). Hoạt động kinh doanh bất động sản tăng 4,47% trong Quý 2/2025, nhích nhẹ so với mức 4,35% của Quý 1/2025, phản ánh sự phục hồi ở mức khiêm tốn. Trong khi đó, bán buôn và bán lẻ tăng 6,73%, thấp hơn mức tăng 7,35% của quý trước, trong bối cảnh các hộ kinh doanh bày tỏ lo ngại về các quy định thuế mới. Về phía chi tiêu, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,95% trong 6 tháng đầu năm 2025, cao hơn so với mức 5,78% cùng kỳ năm 2024. Tổng vốn đầu tư hình thành tài sản cố định cũng tăng mạnh, đạt 7,98%, so với mức 6,72% của cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ lần lượt tăng 14,17% và 16,01%, thấp hơn một chút so với mức tăng 16,89% và 16,95% ghi nhận trong 6 tháng đầu năm 2024.

|  |
| --- |
| **Hình 1: Tăng trưởng GDP theo Quý qua các năm** |
|  |
| *Nguồn: Tổng Cục Thống Kê* |

**Lạm phát**

CPI bình quân Quý 2/2025 tăng 3,31% so với Quý 2/2024. Bình quân sáu tháng đầu năm 2025, CPI tăng 3,27% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,16%. CPI bình quân 6 tháng đầu năm 2025 tăng 3,27% so với bình quân cùng kỳ năm 2024. CPI 6 tháng đầu năm nay tăng so với cùng kỳ năm trước do giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,69%, tác động làm CPI chung tăng 1,24 điểm phần trăm.

* Trong đó, chỉ số giá nhóm thịt lợn tăng 12,75% do nguồn cung hạn chế trong khi nhu cầu tiêu dùng tăng cao trong các dịp lễ, Tết, tác động làm CPI chung tăng 0,43 điểm phần trăm; chỉ số giá thực phẩm tăng 4,15%.
* Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,73%, làm CPI chung tăng 1,08 điểm phần trăm do giá nhà ở thuê và giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng. Trong đó, chỉ số giá nhóm điện sinh hoạt tăng 5,51% do nhu cầu sử dụng điện tăng cùng với EVN điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân vào ngày 11/10/2024 và ngày 10/5/2025, tác động làm CPI chung tăng 0,18 điểm phần trăm.
* Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 13,87%, làm CPI chung tăng 0,75 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế.

|  |
| --- |
| **Hình 2: Lạm phát Việt Nam qua các tháng** |
|  |
| *Nguồn: Tổng Cục Thống Kê* |

**Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá**

Xuất khẩu và nhập khẩu tăng mạnh lần lượt 14,5% và 17,9% so với cùng kỳ năm trước, được thúc đẩy bởi khả năng cao là các lô hàng giao sớm sang Mỹ nhằm tránh các mức thuế đối ứng. Xuất khẩu sang Mỹ đã tăng hơn 30% so với cùng kỳ trong bốn tháng liên tiếp, cho thấy xu hướng dồn hàng xuất khẩu trước thời điểm chính sách mới có hiệu lực.

* Trong Quý 2/2025, kim ngạch nhập khẩu đạt 112,52 tỷ USD, tăng 18,8% so với cùng kỳ năm trước và tăng 12,9% so với Quý 1 năm 2025. Tính chung sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 212,2 tỷ USD, tăng 17,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 72,82 tỷ USD, tăng 10,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 139,38 tỷ USD, tăng 22,3%.
* Trong Quý 2/2025, kim ngạch xuất khẩu đạt 116,93 tỷ USD, tăng 18,0% so với cùng kỳ năm trước và tăng 13,6% so với Quý 1 năm 2025. Tính chung sáu tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 219,83 tỷ USD, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 58,28 tỷ USD, tăng 9,4%, chiếm 26,5% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 161,55 tỷ USD, tăng 16,4%, chiếm 73,5%.

**Hoạt động đầu tư**

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội Quý 2/2025 theo giá hiện hành ước đạt 921,5 nghìn tỷ đồng, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước. Ước tính sáu tháng đầu năm 2025, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành ước đạt 1.591,9 nghìn tỷ đồng, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước.

* Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 30/6/2025:
  + Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 21,52 tỷ USD, tăng 32,6% so với cùng kỳ năm trước.
  + Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam sáu tháng đầu năm 2025 ước đạt 11,72 tỷ USD, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của sáu tháng trong 5 năm qua.
* Theo báo cáo cập nhật của Bộ Tài chính, ước tính đến hết tháng 6 năm 2025, tổng vốn giải ngân đầu tư công đạt 268.133,9 tỷ đồng, tương đương 29,6% kế hoạch năm và 32,5% kế hoạch do Thủ tướng Chính phủ giao. Các vướng mắc về công tác bồi thường, tình trạng nguyên vật liệu còn hạn chế, giá cả tăng đột biến so với thời điểm mời thầu khiến chi phí dự án tăng, những khó khăn liên quan đến quá trình sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp là những nguyên nhân chính khiến tốc độ giải ngân đầu tư công chậm.

**Thị trường chứng khoán**

Trong Quý 2/2025, chỉ số VN-Index khởi đầu quý ở 1.313 điểm và đã chứng kiến sự sụt giảm bất ngờ sau công bố thuế quan đối ứng của Mỹ vào nửa đầu tháng 4 xuống thấp nhất 1.074 điểm (tương ứng với mức giảm 18,2%), tuy nhiên chỉ số đã bứt phá vượt mốc 1.300 điểm trong tháng 5, kết thúc quý ở 1.376 điểm, tăng 4.8% so với cuối Quý 1. Mức tăng này phản ánh kỳ vọng tích cực của nhà đầu tư vào triển vọng đàm phán thương mại khả quan, kết quả kinh doanh Quý 2 dự báo tích cực của nhiều doanh nghiệp niêm yết, cùng với môi trường tiền tệ nới lỏng.

Thanh khoản toàn thị trường cải thiện rõ rệt. Giá trị giao dịch bình quân phiên trên HOSE đạt hơn 22.000 tỷ đồng/phiên, tăng 34,7% so với quý trước. Dòng tiền tập trung vào các nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, bao gồm cổ phiếu Vingroup, Gelex và các cổ phiếu liên quan (là động lực lớn nhất của thị trường), tài chính, ngân hàng, bất động sản khu công nghiệp, đầu tư công. Nhóm cổ phiếu ngân hàng có sự dẫn dắt mạnh nhờ vào kết quả kinh doanh tích cực, tăng trưởng tín dụng cải thiện, luật hóa Nghị quyết 42 và kỳ vọng gỡ bỏ quy định về room tín dụng trong nửa cuối năm. Nhóm bất động sản cũng ghi nhận phục hồi rõ nét sau giai đoạn điều chỉnh kéo dài, với động lực đến từ chính sách tháo gỡ pháp lý, hạ lãi suất cho vay, và đẩy mạnh giải ngân đầu tư công.

Hoạt động khối ngoại có nhiều điểm sáng trong Quý 2. Sau giai đoạn bán ròng đầu năm, nhà đầu tư nước ngoài quay lại mua ròng nhẹ trong tháng 5 và tháng 6, tập trung vào các cổ phiếu bluechips có nền tảng cơ bản tốt. Tính chung cả quý, khối ngoại mua ròng khoảng 1,727 tỷ đồng trên sàn HOSE. Trong khi đó, khối tự doanh công ty chứng khoán cũng có xu hướng mua ròng liên tục, thể hiện niềm tin vào xu hướng trung hạn của thị trường.

Trong ngắn hạn, thị trường vẫn đối diện với một số rủi ro như khả năng điều chỉnh ngắn hạn sau giai đoạn tăng mạnh, diễn biến khó lường từ thị trường quốc tế, cũng như biến động dòng vốn khối ngoại theo xu hướng toàn cầu. Dù vậy, triển vọng trung và dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn được đánh giá tích cực, với kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp và sự cải thiện chất lượng thông tin minh bạch từ các doanh nghiệp niêm yết.

**Thị trường trái phiếu**

Trong Quý 2/2025, thị trường trái phiếu Chính phủ (TPCP) Việt Nam ghi nhận hoạt động phát hành sơ cấp sôi động với tổng cộng 53 phiên đấu thầu được Kho bạc Nhà nước (KBNN) tổ chức, tổng giá trị gọi thầu đạt 154.500 tỷ đồng và tỷ lệ trúng thầu ở mức 59%, tương ứng giá trị trúng thầu 91.233 tỷ đồng. KBNN tập trung phát hành các kỳ hạn 5 năm, 10 năm, 15 năm và 30 năm, trong đó kỳ hạn 10 năm chiếm ưu thế tuyệt đối với 66.412 tỷ đồng, tương đương 72,8% tổng giá trị trúng thầu toàn Quý. Lãi suất trúng thầu bình quân có diễn biến tăng trong tháng 5 nhưng giảm nhẹ vào tháng 6, đưa mức bình quân toàn Quý đạt khoảng 2,95%/năm, trong khi kỳ hạn phát hành bình quân ở mức 9,44 năm. Lũy kế đến cuối tháng 6, tổng giá trị TPCP phát hành qua đấu thầu đạt 201.390 tỷ đồng, hoàn thành 40,3% kế hoạch năm và 75,8% kế hoạch Quý 2. Trên thị trường thứ cấp, tổng giá trị giao dịch thông thường (Outright) trong Quý đạt 609.437 tỷ đồng và mua bán lại (Repo) đạt 256.864 tỷ đồng, với thanh khoản bình quân/ngày lần lượt là 9.962 tỷ đồng và 4.208 tỷ đồng. Trái phiếu kỳ hạn 10 và 15 năm chiếm tỷ trọng lớn nhất trong giao dịch, cho thấy nhà đầu tư tiếp tục ưu tiên nắm giữ trái phiếu trung dài hạn. Nhà đầu tư nước ngoài có xu hướng quay lại thị trường khi mua ròng tổng cộng 624 tỷ đồng trong Quý 2 (sau khi bán ròng trong tháng 4), nâng tổng giá trị mua ròng lũy kế từ đầu năm lên 2.413 tỷ đồng. Về lợi suất, theo dữ liệu từ VBMA, lãi suất TPCP tăng ở hầu hết các kỳ hạn, đặc biệt các kỳ hạn 5 và 7 năm tăng mạnh nhất trong tháng 6 với mức tăng lần lượt 18,9 và 19,1 điểm cơ bản; trong khi đó lợi suất các kỳ hạn dài có xu hướng tăng nhẹ hoặc giảm nhẹ trong tháng 5 trước khi tăng trở lại vào cuối Quý.

|  |
| --- |
| **Hình 3: Lãi suất phát hành trung bình các kỳ hạn Trái phiếu Chính phủ** |
|  |
| *Nguồn: VBMA* |

Trong Quý 2/2025, thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) ghi nhận sự phục hồi rõ nét cả về hoạt động phát hành và giao dịch thứ cấp. Tổng cộng có 126 đợt phát hành trái phiếu riêng lẻ, với tổng giá trị đạt 163,791 tỷ đồng, cùng 2 đợt phát hành ra công chúng trị giá 4,000 tỷ đồng. Lượng phát hành tăng dần qua các tháng, từ 30,067 tỷ đồng trong tháng 4 lên 46,771 tỷ đồng trong tháng 5 và đạt 86,953 tỷ đồng trong tháng 6. Song song với đó, hoạt động mua lại trước hạn tiếp tục gia tăng, với tổng giá trị lên tới 65,441 tỷ đồng trong Quý, tăng mạnh trong tháng 6 (39,265 tỷ đồng), phản ánh nỗ lực của doanh nghiệp trong quản lý nghĩa vụ nợ. Tính đến cuối tháng 6, khối lượng trái phiếu đáo hạn trong 6 tháng còn lại của năm 2025 ước khoảng 131,601 tỷ đồng, trong đó trái phiếu bất động sản chiếm tỷ trọng lớn nhất (53%), tương đương 69,970 tỷ đồng. Về tình hình công bố thông tin bất thường, tổng cộng có 15 mã trái phiếu ghi nhận chậm thanh toán gốc/lãi với tổng giá trị vi phạm khoảng 5,540 tỷ đồng trong Quý 2. Trên thị trường thứ cấp, tổng giá trị giao dịch TPDN riêng lẻ đạt 340,769 tỷ đồng, với giá trị giao dịch bình quân phiên tăng đều qua các tháng: từ 5,023 tỷ đồng/phiên trong tháng 4 lên 6,145 tỷ đồng/phiên trong tháng 6, tương ứng mức tăng trưởng hơn 22% trong Quý. Những diễn biến này cho thấy nhà đầu tư bắt đầu lấy lại niềm tin với kênh trái phiếu doanh nghiệp sau giai đoạn trầm lắng, tuy nhiên thị trường vẫn còn đối diện với áp lực đáo hạn lớn, đặc biệt trong lĩnh vực bất động sản.

|  |
| --- |
| **Hình 4: Giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp phân theo ngành 6 tháng đầu năm 2025** |
|  |
| *Nguồn: VBMA* |

**IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

1. **Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | 1 năm đến thời điểm báo cáo (%) | 3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%) | Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%) |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | 5,22 | 5,58 | 7,43 |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| **Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ** | **5,22** | **5,58** | **7,43** |
| Tăng trưởng hàng năm NAV/1 đơn vị CCQ | 5,26 | 5,60 | 4,88 |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | N/A (1) | N/A (1) | N/A (1) |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | N/A (2) | N/A (2) | N/A (2) |

***Ghi chú:***

*N/A (1): Quỹ không sử dụng danh mục cơ cấu.*

*N/A (2): Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.*

● Biểu đồ tăng trưởng NAV/CCQ của Quỹ trong 3 tháng gần nhất:

● Thay đổi giá trị tài sản ròng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **30/06/2025** | **30/06/2024** | **Tỷ lệ thay đổi** |
| A | 1 | 2 | 3= ((1) - (2))/(2) |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 134.484.037.681 | 127.762.004.306 | 5,26% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 13.462,97 | 12.790,14 | 5,26% |

Trong giai đoạn từ 30/06/2024 đến 30/06/2025 giá trị tài sản ròng của Quỹ tăng 5,26% chủ yếu do lợi nhuận từ kết quả đầu tư mang lại.

1. **Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Quy mô nắm giữ (Đơn vị) | Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ | Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
| *A* | *1* | *2* | *3* |
| Dưới 5.000 | 116 | 29.687,15 | 0,30% |
| Từ 5.000 - 10.000 | 0 | 0 | 0,00% |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 0 | 0 | 0,00% |
| Từ 50.000 đến 500.000 | 0 | 0 | 0,00% |
| Trên 500.000 | 1 | 9.959.489,84 | 99,70% |
| **Tổng cộng** | **117** | **9.989.176,99** | **100,00%** |

**Ghi chú:** *Trình bày tình hình nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư từ ít nhất đến nhiều nhất.*

1. **Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty quy định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

**V.** **THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG**

Trong bối cảnh chiến tranh thương mại căng thẳng và các diễn biến bất định của địa chính trị thế giới, hoạt động xuất khẩu của Việt Nam đứng trước nhiều khó khăn trong năm 2025 ảnh hưởng đến việc kiểm soát các biến số vĩ mô cũng như triển vọng phát triển của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, từ nội tại thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025 được kỳ vọng sẽ có những bước phát triển mới nhờ hệ thống giao dịch mới và tiếp tục được nâng cấp trong thời gian tới, đặc biệt là với kỳ vọng nâng hạng thị trường và sự hoàn thiện khung pháp lý. Thị trường cổ phiếu được nhiều yếu tố hỗ trợ từ hệ thống giao dịch mới và việc nâng hạn lên thị trường mới nổi, mặt bằng lãi suất cho vay được hạ thấp và kinh tế tiếp tục tăng trưởng nhờ cải cách thể chế và môi trường kinh doanh, đẩy mạnh đầu tư công và thu hút đầu tư FDI chất lượng cao. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp cũng được kỳ vọng tiếp tục phục hồi và phát triển, được hỗ trợ bởi nhu cầu vốn cao và niềm tin của nhà đầu tư quay trở lại. Tuy nhiên, cần lưu ý đến những thách thức từ bối cảnh chiến tranh thương mại toàn cầu, áp lực lạm phát và tỷ giá. Nhìn chung, năm 2025 mang đến nhiều thách thức nhưng cũng có nhiều hơn các cơ hội đầu tư hấp dẫn trên cả thị trường trái phiếu và cổ phiếu, đòi hỏi sự thận trọng và phân tích kỹ lưỡng.

Từ các phân tích thị trường, Quỹ CBPF sẽ tiếp tục tận dụng các cơ hội từ thị trường sơ cấp cũng như thứ cấp để gia tăng lợi suất đầu tư tuy nhiên vẫn duy trì sự cẩn trọng trong quản trị rủi ro của từng khoản đầu cũng như của toàn bộ danh mục.

**VI. THÔNG TIN KHÁC**

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Quản lý Quỹ Chubb Life (“Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 52/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2013.

**Nhân sự Ban điều hành công ty Quản lý quỹ gồm có:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Quá trình công tác** |
| Nguyễn Hồng Sơn | Chủ tịch Công ty | CPA | Từ 1991 - 1992: Kế toán tổng hợp - Xí nghiệp Quốc doanh In số 2  Từ 1992 - 1993: Quản lý Kho - Công ty Ajinomoto Việt Nam  Từ 1993 - 1998: Kiểm toán viên - Công ty TNHH KPMG Việt Nam  Từ 1998 - 2000: Kiểm toán viên - Công ty KPMG Peat Marwick  Từ 2000 - 2003: Kiểm toán viên - Công ty TNHH KPMG Việt Nam  Từ 2003 - 2005: Giám đốc Tài chính - Công ty TNHH Cargill Việt Nam  Từ 2005 - 2014: Giám đốc Tài chính - Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam  Từ 2013 - 2019: Phó Chủ tịch - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life  Từ 2014 - 2019: Phó Tổng giám đốc Phụ trách Tài chính - Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam  Từ 2019 - 2021: Tổng Giám đốc - Công ty Chubb Life Insurance Myanmar Limited  Từ 2021 - nay: Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam  Từ 2024 - nay: Chủ tịch - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life |
| Nguyễn Trọng Nghĩa | Phó Chủ tịch Công ty | Đại học Chuyên ngành Toán Tin – Đại Học Khoa học Tự nhiên.  Thành viên hiệp hội định phí Hoa Kỳ | Từ 6/2008 đến 6/2014: Phó Trưởng phòng – Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Chubb Việt Nam  Từ 7/2014 đến 4/2019: Giám đốc – Công ty TNHH Manulife Việt Nam  Từ 5/2019 đến 4/2020: Phó Chủ tịch – Công ty Bảo hiểm Allianz Ayudhya  Từ 5/2020 – 6/2023: Phó Tổng Giám đốc – Công ty Bảo Hiểm Nhân Thọ Generali Việt Nam  Từ 7/2023 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Chubb Việt Nam  Từ 6/2024 - nay: Phó Chủ tịch - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life |
| Đặng Thị Hồng Loan | Giám đốc Công ty | CFA | Từ 2010 - 2016: Trưởng phòng cấp cao Đầu tư và Ngân Quỹ Công ty Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam  Từ 2016 - 2019: Phó Giám đốc bộ phận chiến lược xây dựng và phân tích Kế hoạch tài chính Công ty tài chính Prudential Việt Nam  Từ 12/2019 - nay: Giám đốc - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life |

**Ban đại diện quỹ gồm có:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Quá trình công tác** |
| Trịnh Thanh Cần | Chủ tịch | Cử nhân | Từ 2000 - 2002: Trợ lý nghiên cứu -Công ty Quản lý quỹ Tower Mỹ Từ 2002 - 2003: Chuyên viên - Ngân hàng Downey Savings - Mỹ Từ 2003 - 2005: Chuyên viên đầu tư - Công ty Quản lý Quỹ Vinacapital Việt Nam Từ 2005 - 2006: Giám đốc Quan hệ KH - Ngân hàng HSBC Việt Nam Từ 2006 - 2007: Giám đốc đầu tư - Công ty Quản lý Quỹ Bản Việt Từ 2007 - 2011: Giám đốc phân tích - Công ty Chứng khoán Bản Việt Từ 2011 - 2015: Giám đốc điều hành khối Tư vấn tài chính Doanh nghiệp - Công ty Chứng khoán HSC Từ 2015 - 2022: Tổng giám đốc - Công ty TNHH Chứng khoán ACB  Từ 4/2022 – nay: Tổng giám đốc - Công ty CP Chứng khoán KAFI |
| Nguyễn Trọng Đức | Thành viên | Thạc sỹ | Từ 1995 - 1999: Kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán KPMG Từ 1999 - 2000: Trưởng phòng KTNB - Công ty Victoria Việt Nam Group Từ 2000 - 2002: Giám đốc tài chính tập đoàn - Công ty Victoria Việt Nam Group Từ 2002 - 2004: Giám đốc tài chính - Công ty Philips Electronics Việt nam. Từ 2004 - 2015: Giám đốc tài chính - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam.  Từ 2015 - 2018: Giám đốc điều hành hoạt động/Giám đốc tài chính - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam Từ 6/2018 - 2019: Tổng giám đốc - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam. |
| Trần Việt Hương | Thành viên | Luật sư | Từ 1995 - 1997: Tư vấn thuế & Đầu tư - Công ty kiểm toán và tư vấn Cooper & Lybrand – AISC Từ 1998 - 2000: Tư vấn thuế & Đầu tư - Công ty Kiểm toán KPMG Từ 2000 - 2003: Phó trưởng Đại diện - VPĐD Pacific Rim Enterprises, LLC Từ 2003 - 2006: Phó giám đốc - Công ty TNHH Nhiệt Đới Từ 2006 - 2008: Phó Tổng giám đốc - Công ty CP An Gia Từ 2011 - nay: Luật sư thành viên - Công ty luật Avenir Từ 2010 - nay: Giám đốc Điều hành - Công ty TNHH Mễ Tân |

**Nhân sự điều hành Quỹ gồm có:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Quá trình công tác** |
| Nguyễn Thị Bích Ngọc | Thành viên | Cử nhân | Từ 2003 - 2006: Nhân viên giao dịch – Cty Cổ phần Chứng Khoán Mê Kông. Từ 2007 - 2011: Trưởng phòng DVKH – Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam. Từ 2011 - 2012: Trưởng phòng Môi giới – Cty CP Chứng khoán Golden Bridge. Từ 2013 - 2015: Phụ trách phòng Phát triển khách hàng – Công ty CP Chứng khoán MB.  Từ 2015 – nay: Trưởng phòng Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life. |
| Đinh Thị Hồng Vân | Thành viên | Cử nhân | Từ 09/2011-12/2011: Nhân viên phân tích tài chính – Công ty CP Đầu tư Long Quân. Từ 01/2012-01/2020: Nhân viên phân tích đầu tư - Công ty CP Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Việt Long. Từ 02/2020 – 09/2020: Phó Giám đốc Tài chính – Kế hoạch Tổng Công ty Bến Thành TNHH MTV  Từ 09/2020 đến nay: Giám sát cấp cao - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life. |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN CÔNG TY QLQ CHUBB LIFE**  **Chủ tịch Công ty**  **Nguyễn Hồng Sơn** |